TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2018/DS-PT
Ngày: 26-4-2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**.

Các thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**.

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng.**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DSST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị O**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 193 Đoàn Thị N, Phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Minh Hoàng H,** sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15, khu phố 4, Phường B, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 176B11, tổ 6, ấp Đ, xã Trung A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3.2/ Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 1941 (vắng mặt.)

Địa chỉ: Số nhà 15, khu phố 4, Phường B, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,Nguyên đơn – bà **Lê Thị O** trình bày:

Bà có cho Bà Nguyễn Minh Hoàng H mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 227.000.000 đồng cụ thể:

- Ngày 23/8/2016 bà cho Bà H mượn 30.000.000 đồng, thời hạn mượn 03 tháng.

- Ngày 25/8/2016 bà cho Bà H mượn 150.000.000 đồng, thời hạn mượn 03 tháng.

- Ngày 03/9/2016 bà cho Bà H mượn 20.000.000 đồng, thời hạn mượn 02 tháng.

- Ngày 07/9/2016 bà cho Bà H mượn 27.000.000 đồng, thời hạn mượn 02 tháng.

Ngày 01/12/2016 Bà H có trả cho Bà được 80.000.000 đồng, bà giảm bớt cho Bà H 27.000.000 đồng. Ngày 10/02/2017 Bà H trả cho bà được 5.000.000 đồng. Ngày 25/02/2017 Bà H trả cho bà được 5.000.000 đồng. Ngày 15/3/2017 Bà H trả cho bà được 10.000.000 đồng. Ngày 25/3/2017 Bà H trả cho bà 3.000.000 đồng. Như vậy, Bà H còn nợ lại bà số tiền 97.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Bà H trả lại cho bà số tiền vốn là 97.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 01/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử. Tạm tính đến ngày khởi kiện là 97.000.000 đồng x 0,75% x 02 tháng = 1.455.000 đồng. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà O còn cho rằng: Ngày 10/02/2016 (nhầm lẫn là ngày 25/01/2017) Bà Hà trả bà 5.000.000 đồng, do khi trả nợ bà viết biên nhận cho ông H (là cha của Bà H), ông H giữ biên nhận nên bà không nhớ ngày. Ngày 25/01/2017 Bà H trả 5.000.000 đồng; ngày 21/02/2017 Bà H trả 5.000.000 đồng nhầm lẫn với ngày 25/02/2017; ngày 15/3/2017 Bà H trả 10.000 đồng nhầm lẫn với ngày 06/3/2017; ngày 25/3/2017 Bà H trả 3.000.000 đồng.

Bị đơn - Bà **Nguyễn Minh Hoàng H** trình bày: Vào ngày 01/12/2016 Bà, bà O và Bà Q đã ký kết "Văn bản thỏa thuận về việc trả tiền mượn". Theo nội dung văn bản này, tính đến ngày 01/12/2016 Bà còn nợ bà O tổng cộng 227.000.000 đồng. Bà O và Bà Q đồng ý giảm 27.000.000 đồng, chỉ còn nợ 200.000.000 đồng. Khi ký văn bản trên Bà có trả cho bà O 80.000.000 đồng, còn nợ 120.000.000 đồng. Bà O đồng ý cho Bà trả dần 06 tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2017 và đồng ý không tính lãi đối với số nợ nêu trên. Sau đó, Bà trả cho bà O nhiều lần với số tiền 23.000.000 đồng. Bà còn nợ lại bà Oanh 97.000.000 đồng. Nay Bà xin trả vốn dần, không đồng ý trả lãi vì từ khi bắt đầu vay tiền từ tháng 8 năm 2016 Bà đã trả lãi cho bà O nhiều lần theo thỏa thuận với lãi suất rất cao.

Ngoài ra, Bà H còn trình bày:

- Từ ngày 03/8/2016 đến ngày 07/9/2016 Bà có vay của bà O 04 lần, số tiền 227.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận rất cao, Bà đã đóng lãi đến tháng 11 năm 2016. Ngày 01/12/2016 Bà trả cho bà O 80.000.000 đồng vốn, đồng thời giữa Bà, bà O và Bà Q có ký văn bản thỏa thuận về việc trả tiền mượn với nội dung: Bà vay tiền của bà O theo 04 biên nhận tổng cộng là 227.000.000 đồng; bà O và Bà Q giảm tiền nợ cho Bà 27.000.000 đồng; bà O, Bà Q nhận 80.000.000 đồng do Bà trả; số nợ còn lại 120.000.000 đồng Bà sẽ trả dần trong 06 tháng, từ tháng 01/2017 đến khi dứt nợ, đồng ý không tính lãi; Ngoài số tiền 120.000.000 đồng nêu trên, Q và O công nhận Hoàng H không còn nợ Q + O khoản tiền nào khác. Sau đó Bà đã trả tiền cho bà O các lần như sau: ngày 25/01/2017 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/02/2017 trả 5.000.000 đồng, ngày 25/02/2017 trả 5.000.000 đồng, ngày 06/3/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 15/3/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 25/3/2017 trả 3.000.000 đồng.

- Từ ngày 23/8/2016 đến ngày 07/9/2016 Bà có vay của bà O 04 lần tiền, ghi biên nhận nợ như bà O cung cấp. Do không có khả năng trả nợ nên Bà, bà O, Bà Q (là người đưa tiền cho bà O cho Bà vay) ký văn bản về việc trả tiền mượn vào ngày 01/12/2016. Sau khi ký văn bản trên thì Bà trả cho bà O các lần tiền như sau: ngày 25/01/2017 trả 5.000.000 đồng (có biên nhận), ngày 10/02/2017 trả 5.000.000 đồng (bà Oanh thừa nhận), 21/02/2017 trả 5.000.000 đồng (có biên nhận), ngày 25/02/2017 trả 5.000.000 đồng (bà O thừa nhận), ngày 06/3/2017 trả 10.000.000 đồng (có biên nhận), ngày 15/3/2017 trả 10.000.000 đồng(bà O thừa nhận), ngày 25/3/2017 trả 3.000.000 đồng (bà O thừa nhận). Tổng cộng số tiền đã trả là 77.000.000 đồng, chỉ còn nợ 77.000.000 đồng. Bà H đồng ý trả cho bà O 77.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì đã thỏa thuận không tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà **Nguyễn Thị Q** trình bày:

Vào ngày 25/8/2016 bà O có mượn của Bà 100.000.000 đồng, hẹn 03 tháng trả nhưng sau đó không trả vì bà O cho Bà Hàmượn lại nhưng Bà H chưa trả. Bà O và Bà có đến nhà Bà H nhưng không gặp Bà H mà gặp ba của Bà H là ông H. Bà có ký tên vào văn bản thỏa thuận trả tiền mượn vào ngày 01/12/2016. Do Bà trình bày bà O có lấy tiền của Bà đưa cho Bà H nên ông H có ghi tên Bà trong Văn bản thỏa thuận. Sau đó bà O đã trả cho Bà được 100.000.000 đồng, nên giữa Bà và Bà H không quan gì.

Ngoài ra, Bà Q còn trình bày: Bà có biết bà O cho Bà H vay 277.000.000 đồng, sau đó thỏa thuận giảm bớt cho Bà H 27.000.000 đồng. Bà H phải trả cho bà O 200.000.000 đồng. Ngày 06/3/2017 Bà có nhận từ Bà H 10.000.000 đồng là tiền Bà H trả cho bà O, Bà viết biên nhận cho ông H là cha của Bà H trả nợ thay cho Bà H. Do Bà không nhớ kỹ ngày nên nhầm lẫn với ngày 15/3/2017 mà trước đây bà O đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông **Nguyễn Minh H** không trình bày ý kiến.

Bản án số 01/2018/DSST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Quyết định: Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273, điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ lật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị O;

Buộc bị đơn Bà Nguyễn Minh Hoàng H trả cho bà Lê Thị O số tiền vốn là 97.000.000 đồng và tiền lãi 6.547.000 đồng. Tổng cộng là 103.547.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho có Quyết định kháng nghị số 33/QĐ/KN-VKS kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm , nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên kháng nghị số 33/QĐ/KN-VKS ngày 16/01/2018 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;Những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo qui định; Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Bởi vì, bà O đã thừa nhận bà H đã trả được 23.000.000đồng, nên bà H không phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của bộ luật tố tụng dân sự.Các biên nhận do bà H cung cấp gồm: Ngày 25/01/2017 trả 5.000.000đồng; ngày 21/02/2017 trả 5.000.000đồng; Ngày 06/3/2017 trả 10.000.000đồng, tổng cộng là 20.000.000đồng cộng với số tiền 23.000.000đồng do bà O thừa nhận bà H đã trả. Như vậy, bà H đã trả cho bà O được 43.000.000đồng, chỉ còn nợ lại 77.000.000đồng. Bản án sơ thẩm buộc bà H trả cho bà O 97.000.000đồng là thiệt thòi quyền lợi của bà H theo qui định tại Điều 108 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang . Đối với đơn kháng cáo của bà H là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Sau khi tòa án thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2018 Bà Nguyễn Minh Hoàng H có đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho có tống đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Bà H cùng ngày (bút lục số 129), hết thời hạn 10 ngày nhưng bà H không giao nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho tòa án cấp sơ thẩm mà không có lý do chính đáng, bà H cũng không thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nên xem như bà H từ bỏ quyền kháng cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời bà H và người có liên quan là ông Nguyễn Minh H đã được tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập để dự phiên tòa xét xử phúc thẩm lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Bà Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất, từ ngày 23/8/2016 đến ngày 07/9/2016 bà O cho bà H vay 04 lần tiền tổng cộng 227.000.000đồng. Ngày 01/12/2016 hai bên đã làm văn bản thỏa thuận (bút lục số 40) với nội dung: Bà O đồng ý bớt cho bà H 27.000.000đồng, Bà H trả ngay 80.000.000đồng, còn nợ lại bà O 120.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà H trả dần trong hạn 06 tháng kể từ tháng 01/2017 đến khi dứt nợ, đồng ý không tính lãi. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì các bên tranh chấp về số tiền và thời gian trả tiền.

- Nguyên đơn bà O cho rằng sau khi đối chiếu công nợ ngày 01/12/2016 thì Bà H (bút lục số 10) cụ thể:

+Ngày 10/02/2017 trả 5.000.000đồng;

+Ngày 25/02/2017 trả 5.000.000đồng;

+Ngày 15/3/2017 trả 10.000.000đồng;

+Ngày 25/3/2017 trả 3.000.000đồng;

Tổng số tiền đã trả là **23.000.000đồng**, nên còn nợ lại số tiền 97.000.000đồng. Bà O yêu cầu bà Hà phải trả số tiền 97.000.000đồng và tính lãi theo lãi suất 0,75%/ tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày 01/4/2017.

- Bị đơn bà H trình bày ngày 12/5/2017(bút lục số 42): Thừa nhận còn nợ bà O số tiền 97.000.000đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn xin trả vốn dần, không đồng ý trả lãi, vì trước đây đã trả lãi cho bà O rất nhiều với lãi suất theo thỏa thuận rất cao

- Ngày 15/11/2017 bà H có tờ tự khai trình bày đã trả tiền cho Bà O tổng cộng **38.000.000đồng** gồm các lần trả như sau:

+Ngày 25/01/2017 trả 5.000.000đồng;

+Ngày 10/02/2017 trả 5.000.000đồng;

+Ngày 25/02/2017 trả 5.000.000đồng;

+Ngày 06/3/2017 trả 10.000.000đồng;

+Ngày 15/3/2017 trả 10.000.000đồng;

+Ngày 25/3/2017 trả 3.000.000đồng;

- Ngày 15/12/2017 Bà H có tờ tự khai bổ sung trình bày đã trả tiền cho Bà O tổng cộng **43.000.000đồng** gồm các lần trả như sau:

+Ngày 25/01/2017 trả 5.000.000đồng (có biên nhận);

+Ngày 10/02/2017 trả 5.000.000đồng (O thừa nhận tại đơn kiện);

+Ngày 21/2/2017 trả 5.000.000đồng (có biên nhận);

+Ngày 25/02/2017 trả 5.000.000đồng (O thừa nhận tại đơn kiện);

+Ngày 06/3/2017 trả 10.000.000đồng (có biên nhận);

+Ngày 15/3/2017 trả 10.000.000đồng (O thừa nhận tại đơn kiện);

+Ngày 25/3/2017 trả 3.000.000đồng (O thừa nhận tại đơn kiện);

- Ngày 02/01/2018 bà O và bà Q cùng có bản tự khai trình bày (bút lục 102,103): Xác định bà H chỉ trả được 23.000.000đồng trong tổng số nợ 120.000.000đồng, có sự nhầm lẫn trong việc trong việc xác định ngày trả nợ của Bà H như sau

+Ngày 21/02/2017 H trả 5.000.000đồng là nhầm lẫn với ngày 25/02/2017.

+Ngày 15/3/2017 Hà trả 10.000.000đồng (Ông H trả thay)nhầm lẫn với ngày 06/3/2017.

+Ngày 10/2/2017 Hà trả 5.000.000đồng nhầm lẫn với ngày 25/01/2017.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử thấy rằng. Bà O và bà H cùng trình bày thống nhất với nhau về số tiền nợ tại thời điểm ngày 01/12/2016 là bà H còn nợ bà O số tiền 120.000.000đồng, thỏa thuận cho trả dần trong thời hạn 06 tháng tính từ tháng 01/2017 đến 30/6/2017 là dứt nợ. Bà O cho rằng bà H chỉ trả được 23.000.000đồng. Bà H thì cho rằng sau khi tìm lại được các biên nhận trả nợ cùng với lời thừa nhận của nguyên đơn thì bà bà đã trả được 43.000.000đồng. Bà O trình bày là do khi nhận tiền trả từ bà H thì nhớ ngày không chính xác, có sự nhầm lẫn ngày tháng bà H trả nợ, đề nghị bà H chứng minh bằng 06 tờ biên nhận với tổng số tiền bà đã nhận là 43.000.000đồng. Xét thấy, trong quá trình khởi kiện và tham gia tố tụng cho đến khi tòa án xét xử sơ thẩm lần 1 ngày 15/12/2017(tòa hoãn phiên tòa) bà H có tờ tự khai bổ sung trình bày về số tiền đã trả 43.0000.000đồng thì bà O và bà Q mới có tờ tự khai bổ sung cho rằng có sự nhầm lẫn trong việc xác định ngày bà H trả tiền.Vấn đề này không được bà H thừa nhận, bà O cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh có sự nhầm lẫn trong việc thừa nhận bà H trả tiền 23.000.000đồng khác với ngày làm biên nhận tiền do bà

H và ông H (cha bà H) gửi trả. Cho nên, ý kiến của bà O cho rằng có nhầm lẫn là không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét nội dung bản án sơ thẩm cho rằng việc giải thích sự nhầm lẫn của bà O có căn cứ là không phù hợp với qui định tại Điều 92 của luật tố tụng dân sự. Cho nên cần xác định bà H đã trả cho bà O số tiền 43.000.000đồng, trong đó có 23.000.000đồng do bà O thừa nhận, bà H không phải chứng minh và số tiền 20.000.000đồng bà H chứng minh bằng các tờ biên nhận tại bút lụt số 41,84 và 95. Như vậy, số tiền vốn vay bà H phải trả cho bà O là 120.000.000đồng – 43.000.000đồng = 77.000.000đồng. Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có căn cứ, được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Về tiền lãi phát sinh: Tại văn bản thỏa thuận ngày 01/12/2016 thì hai bên thỏa thuận *"...để Hoàng H trả dần trong 6 tháng kể từ tháng 01/2017 đến khi dứt nợ, không tính lãi....."*. Xét việc thỏa thuận này không qui định mỗi tháng trả bao nhiêu tiền mà chỉ ấn định thời hạn trả sau cùng là 06 tháng kể từ tháng 01/2017. Như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 01/7/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 02/01/2018 tương đương 06 tháng. Số tiền còn nợ 77.000.000đồng x 0,75%/ tháng x 06 tháng = 3.465.000đồng, là số tiền lãi chậm trả mà bà H phải trả cho bà O.

[5]Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền giang tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho sửa một phần bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, được chấp nhận. Riêng việc Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà H là không được chấp nhận. Như đã nhận định trên, bà H không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên xem như từ bỏ quyền kháng cáo.

[6]Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273, điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ lật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận kháng cáo của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang .

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị O;

Buộc bị đơn bà Nguyễn Minh Hoàng H trả cho bà Lê Thị O số tiền vốn là 77.000.000 đồng và tiền lãi 3.465.000 đồng. Tổng cộng là 80.465.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O đòi bà H phải trả thêm số tiền 20.000.000đồng .

Kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

-Về án phí : Bà Nguyễn Minh Hoàng H phải chịu 4.023.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị O phải chịu 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.461.375 đồng tạm ứng án phí do bà O nộp theo biên lai thu số 32154 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, nên được hoàn lại 1.461.375 đồng .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Đạt